

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG
NGHỀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 541b/QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 30/07/2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật, Đại học Thái Nguyên)*

Tên ngành, nghề: Quản trị kinh doanh

Mã ngành, nghề: 6340404

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Thời gian đào tạo: 2,5 năm. Trong đó:

- Thời gian học tập: 2,0 năm
- Thời gian thực tập tốt nghiệp và trải nghiệm: 0,5 năm.

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh nắm vững kiến thức cơ bản về quản trị, điều hành các loại hình doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế xã hội khác trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và nền kinh tế thị trường. Có tư duy nghiên cứu độc lập để tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc thực tế, có trách nhiệm với bản thân và xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức

- + Nắm được các kiến thức cơ bản về quy trình và các chức năng của nhà quản trị.
- + Nắm được kiến thức chuyên sâu về các lĩnh vực: Quản trị nguồn lao động, quản trị quá trình sản xuất, quản trị Marketing, quản trị tài chính, quản trị chất lượng sản phẩm ...
- + Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về quản trị để phân tích, đánh giá tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp trên thực tế, từ đó đề xuất được các giải pháp để nâng cao hiệu quả kinh doanh tại đơn vị.

- Về kỹ năng

- + Có năng lực thực hành công tác quản trị trên các lĩnh vực: tài chính, marketing, nhân lực, sản xuất, kinh doanh ở các đơn vị sản xuất kinh doanh.
- + Có kỹ năng về công tác tổ chức thực hiện các quyết định quản trị, phối hợp hoạt động giữa các bộ phận chức năng trong đơn vị và giữa các đơn vị một cách hiệu quả.
- + Phân tích, đánh giá được hoạt động sản xuất kinh doanh trong đơn vị, xây dựng được chiến lược phát triển của đơn vị.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- + Có phẩm chất đạo đức, ý thức và tác phong nghề nghiệp, trách nhiệm công dân.
- + Có phương pháp làm việc khoa học; biết xác định, phân tích các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn; đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng tư duy, sáng tạo trong thực hiện công việc.
- + Có khả năng làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm.
- + Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc đã định sẵn.
- + Đánh giá hoạt động của nhóm và kết quả thực hiện.

- Chính trị, đạo đức

- + Biết, hiểu và thực hiện trong thực tế cuộc sống những kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật trong thể chế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- + Biết, hiểu và thực hiện được quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- + Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;
- + Luôn chấp hành các nội quy, qui chế của nơi làm việc;
- + Có trách nhiệm, thái độ học tập chuyên cần và cầu tiến;
- + Có trách nhiệm, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ hợp lý;

- Thể chất và quốc phòng

- + Có sức khỏe, thường xuyên rèn luyện sức khỏe để hoàn thành tốt các công việc;
- + Có nhận thức đúng về đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện tốt trách nhiệm của bản thân về lao động quốc phòng;
- + Có khả năng tuyên truyền, giải thích về trách nhiệm của công dân đối với nền quốc phòng của đất nước.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Chuyên viên các phòng Nghiên cứu thị trường và tiêu sản phẩm, Marketing, Điều độ sản xuất, chuyên viên KCS ... trong các doanh nghiệp.
- Cán bộ quản trị trong các tổ chức của Đảng và Nhà nước các cấp và các tổ chức xã hội khác.
- Tự thành lập doanh nghiệp và kinh doanh hoặc tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 28
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2.021 giờ
- Khối lượng các môn học chung /đại cương: 416giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.605 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 638 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.278 giờ

3. Nội dung chương trình

TT	Mã MH/ MD	Tên môn học, module	Loại giáo án	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
					Tổng số	Trong đó		
						LT	TH/ BT	KT
I		Các môn học chung						
1	POL121	Giáo dục chính trị - 1	Lý thuyết	2	30	28	0	2
2	POL122	Giáo dục chính trị - 2	Lý thuyết	2	30	28	0	2
3	LAW121	Pháp luật	Lý thuyết	2	30	28	0	2
4	PHE121	Giáo dục thể chất	Thực hành	2	56	4	50	2
5	MIE141	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Thực hành	4	90	30	56	4
6	GIF131	Tin học	Thực hành	3	75	15	58	2
7	ENG131	Tiếng Anh – 1	Lý thuyết	3	65	25	36	4
8	ENG122	Tiếng Anh – 2	Lý thuyết	2	40	20	18	2
		Tổng (I)		20	416	178	218	20
II		Các môn học, module chuyên môn						
II.1		Môn học, module cơ sở						
9	PMA221	Toán xác suất thống kê	Lý thuyết	2	30	28	0	2
10	MES231	Kinh tế vi mô	Lý thuyết	3	45	22	20	3
11	SOM231	Quản trị học	Lý thuyết	3	45	22	20	3
12	ECL231	Luật kinh tế	Lý thuyết	3	45	22	20	3
13	SPS231	Nguyên lý kế toán	Lý thuyết	3	45	22	20	3
14	BMG231	Marketing căn bản	Lý thuyết	3	45	22	20	3
15	BUA421	Thực tập trải nghiệm tại DN	Thực hành	2	90	0	90	0
		Tổng (II.1)		19	345	138	190	17
II.2		Môn học, module chuyên nghề						
16	MHR331	Quản trị nhân lực	Thực hành	3	75	25	45	5
17	PMT341	Quản trị sản xuất	Thực hành	5	120	27	90	3
18	FMT341	Quản trị tài chính	Thực hành	4	90	30	54	6
19	OAN341	Quản trị hành chính văn phòng	Thực hành	4	90	30	54	6
20	DKT341	Digital Marketing	Thực hành	4	90	30	54	6
21	QMT341	Quản trị chất lượng	Thực hành	4	90	30	54	6
22	SMT341	Quản trị chiến lược	Thực hành	4	90	30	54	6

23	ABO341	Phân tích hoạt động kinh doanh	Thực hành	4	90	30	54	6
24	RCC341	Quan hệ và chăm sóc khách hàng	Thực hành	4	90	30	54	6
25	BMP331	Tâm lý học quản trị kinh doanh	Thực hành	4	90	30	54	6
26	AIS341	Tin học ứng dụng	Thực hành	4	90	30	54	6
27	PPE341	Thực tập nghề nghiệp	Thực hành	4	120	0	114	6
28	BUA431	Thực tập tốt nghiệp cuối khóa	Thực hành	3	135	0	135	0
		Tổng (II.2)		51	1260	322	870	68
		Tổng (II)		70	1605	460	1060	85
		Tổng cộng		90	2021	638	1278	105

Ghi chú:

- **Tỷ lệ giờ thực hành/tổng số giờ:** 63,2%.

- **Tổng số giờ thực hành, thực tập thực tế (gồm giờ thực hành MH, MĐ và giờ thực tập tốt nghiệp và trải nghiệm):** 1.853 giờ (trong đó có 800 giờ thực tập tốt nghiệp và thực tập trải nghiệm).

- **Quy định về thời lượng:**

+) 01 tín chỉ = (15 giờ học lý thuyết + 30 giờ tự học) hoặc (30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận +15 giờ tự học) hoặc (45 giờ thực tập cơ sở, làm tiểu luận, đồ án, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp...).

+) 01 giờ học lý lý thuyết = 45 phút; 1 giờ học thực hành/tích hợp = 60 phút.

- **Bố trí giờ thực hành của các MH, MĐ chuyên môn nghề (trừ TTTN-TN):**

+) Lớp < 10 sinh viên: Bố trí 20% thực hành tại trường; 80% thực hành tại các doanh nghiệp.

+) Lớp >10 sinh viên: Bố trí 40% thực hành tại trường; 60% thực hành tại các doanh nghiệp.

- **Nguyên tắc xây dựng Thời khóa biểu:** Nhà trường sẽ căn cứ vào đặc điểm, tình hình cụ thể của từng lớp để xây dựng TKB phù hợp.

4. Phân kỳ chương trình đào tạo

**PHÂN KỲ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG
NGHỀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

TT	Mã MH/ MĐ	Tên môn học, module	Loại giáo án	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			Phân theo học kỳ					
					Tổng số	Trong đó			HKI	HKII	HKIII	HKIV	HKV
						LT	TH/ BT	KT					
	I	Các môn học chung											
1	POL121	Giáo dục chính trị - 1	Lý thuyết	2	30	28	0	2	30				
2	POL122	Giáo dục chính trị - 2	Lý thuyết	2	30	28	0	2				30	
3	LAW121	Pháp luật	Lý thuyết	2	30	28	0	2	30				
4	PHE121	Giáo dục thể chất	Thực hành	2	56	4	50	2		56			
5	MIE141	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Thực hành	4	90	30	56	4			90		
6	GIF131	Tin học	Thực hành	3	75	15	58	2	75				
7	ENG131	Tiếng Anh - 1	Lý thuyết	3	65	25	36	4		65			
8	ENG122	Tiếng Anh - 2	Lý thuyết	2	40	20	18	2			40		
		Tổng (I)		20	416	178	218	20	135	121	130	30	0
	II	Các môn học, module chuyên môn											
	II.1	Môn học, module cơ sở											
9	PMA 221	Toán xác suất thống kê	Lý thuyết	2	30	28	0	2			30		
10	MES231	Kinh tế vi mô	Lý thuyết	3	45	22	20	3		45			
11	SOM231	Quản trị học	Lý thuyết	3	45	22	20	3		45			
12	ECL231	Luật kinh tế	Lý thuyết	3	45	22	20	3	45				

13	SPS231	Nguyên lý kế toán	Lý thuyết	3	45	22	20	3		45			
14	BMG231	Marketing căn bản	Lý thuyết	3	45	22	20	3		45			
15	BUA421	Thực tập trải nghiệm tại DN	Thực hành	2	90	0	90	0	90				
		Tổng (II.1)		19	345	138	190	17	135	210	30	0	0
	II.2	Môn học, module chuyên nghề											
16	MHR331	Quản trị nhân lực	Thực hành	3	75	25	45	5			75		
17	PMT341	Quản trị sản xuất	Thực hành	5	120	27	90	3		120			
18	FMT341	Quản trị tài chính	Thực hành	4	90	30	54	6			90		
19	OAN341	Quản trị hành chính văn phòng	Thực hành	4	90	30	54	6		90			
20	DKT341	Digital Marketing	Thực hành	4	90	30	54	6			90		
21	QMT341	Quản trị chất lượng	Thực hành	4	90	30	54	6			90		
22	SMT341	Quản trị chiến lược	Thực hành	4	90	30	54	6				90	
23	ABO341	Phân tích hoạt động kinh doanh	Thực hành	4	90	30	54	6				90	
24	RCC341	Quan hệ và chăm sóc khách hàng	Thực hành	4	90	30	54	6				90	
25	BMP331	Tâm lý học quản trị kinh doanh	Thực hành	4	90	30	54	6				90	
26	AIS341	Tin học ứng dụng	Thực hành	4	90	30	54	6				90	
27	PPE341	Thực tập nghề nghiệp	Thực hành	4	120	0	114	6					120
28	BUA431	Thực tập tốt nghiệp và trải nghiệm	Thực hành	3	135	0	135	0					135
		Tổng (II.2)		51	1260	322	870	68	0	210	345	450	225
		Tổng (II)		70	1605	460	1060	85	135	390	375	450	225
		Tổng cộng		90	2021	638	1278	105	270	511	505	480	225

5. Hướng dẫn sử dụng chương trình

Phương thức tổ chức đào tạo: Chương trình đào tạo của ngành Quản trị kinh doanh được thực hiện theo phương thức Tích lũy tín chỉ.

5.1. Các môn học chung

Các môn học chung được thực hiện theo quy định bắt buộc của Bộ LĐTBXH về chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học.

5.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Đề sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Nhà trường bố trí tham quan một số cơ quan, đơn vị phù hợp với nghề đào tạo;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

5.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun

Việc tổ chức thi, kiểm tra hết môn học, mô đun được xác định và có hướng dẫn cụ thể trong chương trình chi tiết của từng môn học, mô đun và được thực hiện theo quy định trong Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp (gọi tắt là *Thông tư 09*) và Quyết định số 235/QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 18/5/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật về việc ban hành Quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ và kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp (gọi tắt là *Quyết định 235*).

5.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Việc tổ chức xét công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo quy định trong Thông tư 09 và Quyết định 235.

- Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng của ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành theo quy định của trường.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Ngô Xuân Hoàng